

**Tập 285**

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang sáu trăm lẻ bốn:

***(Sớ) Hựu Đại Bản cập Pháp Diệt kinh, giai ngôn pháp diệt chi nhật, độc lưu thử kinh. Cổ tri thử kinh, tổng trì Mạt Pháp, như Hoa Nghiêm Luận trung thuyết.***

(疏)又大本及法滅經，皆言法滅之日，獨留此經，故知此經，總持末法，如華嚴論中說。

*(Sớ: Lại nữa, Đại Bản và kinh Pháp Diệt đều nói khi pháp diệt, riêng lưu lại kinh này. Vì thế biết kinh này tổng trì Mạt Pháp, như trong Hoa Nghiêm Luận đã nói).*

Đại Bản là kinh Vô Lượng Thọ. Pháp Diệt Kinh còn gọi là Pháp Diệt Tận Kinh, phân lượng chẳng dài, nói rõ hiện tượng suy diệt của Phật pháp. Trong Pháp Diệt Tận Kinh, nói theo cách hiện thời, chính là đức Phật đã tiên đoán. Những lời tiên đoán có khi là do suy luận Toán Học, chẳng hạn như bộ Hoàng Cực Kinh<sup>1</sup> xa xưa của Trung Hoa. Nói theo Phật pháp, điều này thuộc loại Tỷ Lượng (比量)<sup>2</sup>, tính chánh xác của nó chẳng thể đạt tới một trăm phần trăm. Đương nhiên là cũng có độ tin cậy kha khá, nhưng chẳng phải là tuyệt đối. Chỉ riêng lời tiên đoán của đức Phật chắc chắn là chánh xác, vì đức Phật dùng Hiện Lượng (現量) để quan sát. Đức Phật là ngũ nhãn viên minh, quá khứ, hiện tại,

---

<sup>1</sup> Hoàng Cực Kinh có tên gọi đầy đủ là Hoàng Cực Kinh Thế Thư do Thiệu Ung (Thiệu Khang Tiết) viết vào đời Tống. Nội dung bao gồm những tiên đoán suy diễn dựa theo Dịch Số, nhất là do chiêm nghiệm Hà Đồ Lạc Thư, đồng thời trình bày những quan điểm triết học, xã hội được diễn giải theo Dịch Lý của chính Thiệu Ung. Ông quan niệm các diễn biến lịch sử sẽ xảy theo chu kỳ và đề ra khái niệm “nguyên, hội, vận, thế”, cứ hết một Nguyên lịch sử sẽ tái diễn. Theo đó, cứ ba mươi năm là một Thế, mười hai Thế là một Vận, ba mươi Vận là một Hội, mười hai Hội là một Nguyên. Như vậy một Nguyên là  $12 \times 30 \times 12 \times 30 = 129.600$  năm. Cũng từ khái niệm này, Đạo giáo diễn dịch thành các khái niệm Thượng Nguyên, Trung Nguyên, Hạ Nguyên, rồi dẫn đến khái niệm Hạ Nguyên Mạt Thế, thế giới tận diệt trong các giáo phái Bạch Liên Giáo, Trai Giáo, Minh Lý, Minh Sư, hoặc Nhất Quán Đạo sau này.

<sup>2</sup> Tỷ Lượng là sự nhận biết, phán đoán các hiện tượng dựa trên sự hiểu biết, kiến thức tích lũy của chính mình.

tương lai, Ngài đều đích thân trông thấy, chẳng phải là suy đoán. Trong Pháp Diệt Kinh, đức Phật nói kinh Lăng Nghiêm diệt đầu tiên, kinh diệt cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ. “*Pháp diệt chi nhật, độc lưu thử kinh*” (Khi pháp diệt hết, riêng lưu lại kinh này), “*thử kinh*” (kinh này) chính là kinh Vô Lượng Thọ. Vào lúc pháp diệt tận, kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn ở trong thế gian này một trăm năm. Sau một trăm năm ấy, Phật pháp hoàn toàn diệt mất.

Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng là một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Thật ra, Phật pháp há có “*vận*” để nói ư? “*Vận*” hoàn toàn là do chúng sanh. Nếu chúng sanh ai nấy đều có thể tu đức, tích thiện, hảo vận bền lâu dài. Mọi người đều chẳng biết tu thiện, tạo nhiều ác nghiệp, kiếp vận tốt đẹp bền ngắn ngủi, [tức là] thời gian tốt đẹp bền ngắn ngủi. Vì thế, [thời gian tồn tại của] Phật pháp là nói theo phía chúng sanh, chẳng phải là nói theo phía Phật hay nói theo pháp.

Câu kệ tiếp mới là trung tâm của tiểu đoạn này. “*Cố trì thử kinh, tổng trì Mạt Pháp*” (Vì thế, biết kinh này tổng trì thời Mạt Pháp), câu này hết sức trọng yếu. Mạt Pháp [kéo dài] một vạn năm. Trong một vạn năm ấy, hết thấy chúng sanh nếu muốn “*đương sanh thành tựu*”, [nghĩa là thành tựu] ngay trong một đời này, nói “*thành tựu*” chính là quyết định vượt thoát lục đạo luân hồi. Đó là thành tựu nhỏ bé. Nếu chẳng thể vượt thoát lục đạo, sẽ không kể là thành tựu. Viên mãn thành Phật là đại thành tựu. Trong pháp môn này, có thể nói là hai thứ thành tựu ấy đều đạt tới rất ráo viên mãn. Do vậy, thật sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn. Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta gặp gỡ kinh này mà có thể tin, nhận, phụng hành, sẽ là bậc đương cơ trong thời Mạt Pháp của đức Thế Tôn. Chuyện này đáng khiến cho chính mình vui mừng, hân hạnh!

**(Sao) Đại Bản vân: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi, đặc lưu thử kinh bách tuế, chúng sanh đắc ngộ, vô bất đắc độ”.**

(鈔)大本云：當來之世，經道滅盡，我以慈悲，特留此經百歲，眾生得遇，無不得度。

**(Sao: Kinh Đại Bản nói: “Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do từ bi, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm, chúng sanh được gặp gỡ, không ai chẳng đắc độ”).**

“*Đương lai chi thế*”: Kể từ sau khi đức Thế Tôn diệt độ đều gọi “*đương lai chi thế*”. “*Kinh đạo diệt tận*” là nói tới lúc pháp vận kết thúc sau khi đức Phật đã diệt độ, cũng có nghĩa là đúng một vạn hai ngàn năm sau ngày đức Phật diệt độ. [Kể từ khi] Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến hiện tại mới hơn ba ngàn năm. Do vậy, pháp vận của đức Phật hãy còn chín ngàn năm nữa.

“*Kinh đạo diệt tận*”, “*kinh*” (經) là kinh điển, trong thế gian này chẳng còn kinh điển nữa, “*đạo*” (道) là người tu hành, [khi ấy], chẳng có người tu đạo. Đó là “*diệt tận*”, và con người khổ sở chẳng thể diễn tả được!

Chư vị phải hiểu: Phật pháp là quang minh của hết thảy chúng sanh. Kinh Phật thường dùng đèn sáng để tỷ dụ. Một tia sáng trong chốn tối tăm là nói tới Phật pháp, nhất là Phật pháp trong Tịnh Độ Tông, thật sự hết sức đáng quý, hết sức khó có. Trong khi kinh đạo diệt tận, do bị nguyện của đức Phật, do Phật lực gia trì chúng sanh, khiến cho bộ kinh này vẫn có thể tồn tại thêm một trăm năm nữa. Trong khi ấy, nếu chúng sanh gặp kinh Vô Lượng Thọ, hoặc kinh A Di Đà, nghe Phật hiệu A Di Đà Phật, “*vô bất đắc độ*” (chẳng ai không đắc độ). Trong Đại Kinh có nói cặn kẽ, khi gặp gỡ nhân duyên này, nếu chúng ta nhất tâm nhất ý cầu nguyện vãng sanh, quyết định được Phật tiếp dẫn. Nếu nguyện cầu phước báo trong đường trời, người, đương nhiên là cũng có thể được như nguyện. Vì thế, không ai chẳng đắc độ.

***(Sao) Nhược hữu chúng sanh, u thử kinh điển, thư tả, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vị nhân diễn thuyết, lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền, kinh tu du gian, tức sanh bỉ sát.***

(鈔)若有眾生，於此經典，書寫供養，受持讀誦，為人演說，臨命終時，佛與聖眾，現其人前，經須臾間，即生彼剎。

***(Sao: Nếu có chúng sanh, đối với kinh điển này, biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói, khi lâm chung, Phật và thánh chúng hiện trước người ấy, trong khoảnh khắc, liền sanh sang cõi kia).***

Đoạn này cũng là kinh văn [trong kinh Vô Lượng Thọ]. Đoạn kinh văn này rất trọng yếu. Khá nhiều đồng tu thường đến hỏi: “Chúng tôi phải tu học như thế nào thì trong tương lai mới nắm chắc vãng sanh?” Ở chỗ này, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Chỉ cần chúng ta y giáo phụng hành, quyết định được vãng sanh. Mấy chuyện được nói ở đây chính là những gì [chúng ta cần phải] tu tập trong cuộc sống hằng ngày:

1) “*U thử kinh điển*” (Đối với kinh điển này): Câu này khẩn yếu, dạy chúng ta chuyên tu, [tức là] chuyên tu kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cùng bộ. Vì thế, Liên Trì đại sư [gọi hai kinh ấy] là Đại Bản và Tiểu Bản. Kinh Vô Lượng Thọ nói tỉ mỉ, kinh Di Đà nói đơn giản, ngắn gọn. Chỉ là văn tự có dài hay ngắn, cách nói có chi tiết hay đại lược, chứ nội dung hoàn toàn như nhau. Đây là dạy chúng ta chuyên tu, dụng công chuyên nhất nơi một bộ kinh. Kinh Vô Lượng Thọ đương nhiên là thuận tiện; nói thật ra, kinh Di Đà quá giản lược. Kẻ sơ học thường chẳng thấy được nghĩa lý thâm diệu trong bộ kinh [Di Đà] này. Cho đến khi Liên Trì đại sư viết Sớ Sao, Ngẫu Ích đại sư viết Yếu Giải, chúng ta mới biết kinh Di Đà có nội dung hết sức phong phú. Đọc bộ Sớ Sao này, kèm thêm Diễn Nghĩa, nói thật ra, [mới biết nội dung của kinh này] trọn chẳng kém Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Thật sự là quá thù thắng! Chúng ta nhất tâm nhất ý suốt một đời này, học một bộ kinh điển, quyết định thành công. Học một bộ kinh điển, thừa cùng chư vị, tốt đẹp ở chỗ nào? Tam Học Giới, Định, Huệ quý vị thấy đều trọn đủ. Giới học: Trì giới là vâng giữ pháp tắc, giữ gìn quy củ. Đức Phật rất lòng buốt miệng khuyên bảo, chỉ dạy chúng ta, nói “*u thử kinh điển*”, chúng ta thật sự tiếp nhận, hoàn toàn tiếp nhận, y giáo phụng hành. Đó là trì giới, là vâng giữ pháp tắc, tuân thủ lời dạy bảo của đức Phật. Chuyên học một bộ kinh, cái tâm đã định, bèn có Định học. Chúng ta học quá nhiều, quá tạp, rất khó đạt được tâm thanh tịnh. Pháp môn này và kinh điển này được hết thầy chư Phật tán thán, hết thầy chư Phật hoàng dương, hết thầy Bồ Tát lưu truyền. Chúng ta cũng có thể chọn lựa pháp môn này, đó là trí huệ cao độ, tuyệt đối chẳng phải là trí huệ nhỏ bé. Vì thế, quý vị quyết định chọn lựa kinh điển này và pháp môn này, đó chính là Tam Học Giới, Định, Huệ thấy đều trọn đủ.

2) Sau khi đã chọn lựa chắc chắn; ở đây, đức Thế Tôn dạy chúng ta mấy cương lĩnh tu học. Điều thứ nhất là “*thư tả, cúng dường*” (biên chép, cúng dường). Chúng ta thấy bốn chữ ấy, liền biết pháp môn này là Đại Thừa, chứ Tiểu Thừa chẳng có khí thế to tát ấy. “*Thư tả*” (書寫) là

lưu thông bộ kinh điển này. Thời kỳ Mạt Pháp lâu dài, từ nay trở về sau, hãy còn có thời gian chín ngàn năm nữa. Trong chín ngàn năm ấy, chúng sanh đều phải cậy vào pháp môn này để đắc độ. Nếu pháp môn này chẳng thể phổ biến, hoằng dương, thì nói cách khác, hết thầy chúng sanh thành tựu hoặc đắc độ trong một đời sẽ hết sức khó khăn! Có thể nói là chẳng có gì để hy vọng! Do vậy, “*thư tả*” hết sức trọng yếu. Thời cổ, để lưu thông kinh điển, phải cậy vào chép tay. Nay chúng ta ấn loát kinh điển để lưu thông, bèn có ý nghĩa “*thư tả*”. Lưu thông càng nhiều càng hay. Tu học Phật pháp, mọi người đều biết: Phải tu phước, tu huệ. Phước huệ song tu, chẳng thể lệch vào một bên. Tuy chúng ta niệm Phật rất tốt đẹp, mà nếu chẳng có phước báo, khi lâm chung còn bị đau bệnh, sẽ tạo thành chướng ngại cho sự vãng sanh. Tu phước thì loại phước báo nào là chân thật, đáng tin cậy? Ở đây, đức Phật dạy chúng ta biên chép, cúng dường. Tiếp đó, còn có câu nữa là “*vị nhân diễn thuyết*” (vì người khác diễn nói). Hai câu này đều dạy chúng ta tu phước báo chân thật. “*Thọ trì, đọc tụng*” (Thọ trì, đọc, tụng) là tu Huệ. Phước huệ song tu! Do đó, chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực hoằng truyền bộ kinh điển này, tận tâm tận lực thực hiện, giới thiệu với hết thầy mọi người, đề cao, quảng bá pháp môn này cùng đại chúng. Đó là “*thư tả, cúng dường*”. Chúng ta giới thiệu, ban tặng kinh điển, pháp môn cho người khác, đây là Tài Bồ Thí, mà cũng thuộc về Pháp Bồ Thí. Nếu đối phương tiếp nhận, sanh tâm hoan hỷ, y giáo phụng hành, chẳng sợ hãi sanh tử, sẽ là Vô Úy Bồ Thí. Do vậy, “*thư tả, cúng dường*” thì ba thứ bồ thí thầy đều trọn đủ.

3) Trong nguyện Quảng Tu Cúng Dường của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm có nói: “*Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối*” (Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là tối thắng). Vì ba loại cúng dường thí tài, thí pháp, thí vô úy, chẳng có cách nào đạt tới viên mãn, tùy thuộc phước đức và nhân duyên của chính mình, tùy thuộc cơ duyên của chúng sanh, chẳng thể đạt đến viên mãn. Pháp cúng dường của Phổ Hiền Bồ Tát là viên mãn. Kinh nêu lên bảy thí dụ. Thứ nhất là “*nhu thuyết tu hành cúng dường*” (dùng sự tu hành đúng theo lời dạy để cúng dường), tức là y giáo phụng hành. Đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta bèn nghiêm túc nỗ lực thực hiện [đúng như thế ấy]. Những gì đức Phật dạy chúng ta chớ nên làm, chúng ta bèn quyết định chớ nên làm! Hết thầy đều có thể vâng theo giáo huấn của đức Phật, đây là cúng dường chân chánh. Điều này hết sức quan trọng. Nói cách khác, nhất định phải biến giáo huấn của đức Phật thành hành vi trong cuộc sống của chính chúng ta thì mới đạt được thọ dụng chân thật nơi Phật

pháp. Nhất là trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói khá nhiều, nói cặn kẽ, chúng ta thọ dụng cả đời chẳng hết. Tuy kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, vẫn trọn đủ Tam Học Giới, Định, Huệ. Trong bản hội tập của Hạ lão cư sĩ, từ phẩm ba mươi hai cho đến phẩm ba mươi bảy thuộc về Giới Học. Thật sự có thể làm được [những điều Phật dạy trong các phẩm ấy] thì chính là trì giới niệm Phật. Vì lẽ đó, chúng tôi dùng đoạn kinh ấy để làm khóa tụng hằng ngày. Buổi sáng niệm bốn mươi tám nguyện, buổi tối niệm đoạn giới luật này. Nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh: Có phải là những gì đức Phật đã nói chúng ta đều làm được hay không? Đó là tu hành. Tu hành tuyệt đối chẳng phải là mỗi ngày niệm mấy bộ kinh. Niệm mấy bộ kinh vô dụng! Miệng có, tâm không! Đọc kinh phải hiểu ý nghĩa, phải vâng theo giáo huấn trong kinh để sửa đổi hành vi của chúng ta, như vậy thì sẽ đạt được lợi ích thật sự. Điều này hết sức trọng yếu. Chúng ta cúng dường Tam Bảo, cúng dường chúng sanh, cúng dường tự tánh. Đó là nói đến pháp cúng dường.

4) “*Thọ trì độc tụng*”, “*thọ*” (受) là hoàn toàn tiếp nhận. Những lý luận và phương pháp do đức Phật đã nói, đã dạy, chúng ta thấy đều tiếp nhận. “*Tri*” (持) là gìn giữ. Trọn hết thọ mạng y giáo phụng hành thì gọi là “*bảo trì*”. “*Độc tụng*” (Độc tụng), nói thật ra là thân cận Phật, Bồ Tát. Ta đọc tụng hằng ngày, tức là hằng ngày ở cùng một chỗ với Phật, Bồ Tát. “*Độc*” (讀): Đối trước kinh bản [để đọc] thì gọi là Độc, “*tụng*” (誦) là đọc thuộc lòng. Niệm rất thuộc, chẳng cần kinh bản, vẫn có thể niệm chẳng sai một chữ nào [thì gọi là Tụng]. Đọc tụng là tu hành. Nếu quý vị biết dụng tâm, công đức [đọc tụng] sẽ là vô lượng vô biên. Kẻ mới học dùng phương pháp đọc tụng để tu Căn Bản Trí. Căn Bản Trí là tâm thanh tịnh. Niệm kinh thì phải thật thà niệm. Niệm bộ kinh này từ đầu đến cuối, chớ nên niệm quá nhanh, chớ nên chạy đua với thời gian, mà cũng chớ nên niệm quá chậm. Niệm từng chữ phân minh, từng câu rõ ràng. Miệng niệm ra tiếng, nghe lọt vào tai. Dùng phương pháp này để đọc kinh. Đọc kinh nhằm nhiếp tâm. Đại Thế Chí Bồ Tát nói “*nhiep trọn sáu căn*”, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh để nhiếp trọn sáu căn. Khi đọc, chớ nên mong hiểu nghĩa, chớ nên suy tưởng ý nghĩa trong kinh, chớ nên nghiên cứu, chớ nên phân biệt kinh. Khi đọc kinh bèn chẳng có vọng tưởng, chẳng có tạp niệm; đọc kinh như vậy là tu Định. Đọc rành mạch, rõ ràng, chính là tu Huệ. Huệ ấy chính là Căn Bản Trí. Kinh Bát Nhã nói “*Bát Nhã vô tri*”, vô tri là Căn Bản Trí, tu thứ này. Vì thế, [đọc kinh] là hoàn thành Giới, Định, Huệ một lượt. Nếu chúng ta đọc một tiếng đồng

hồ, cung kính niệm một tiếng đồng hồ, tức là tu Giới, Định, Huệ một tiếng đồng hồ. Đó là thật sự tu hành. Chớ nên coi [đọc kinh] như đọc sách thế gian, [nếu giống như đọc sách thế gian] thì sai mất rồi, quý vị chẳng có Tam Học. Đây là cách đọc của kẻ sơ học. Đọc đến khi chính mình đã rất quen thuộc, có thể đọc thuộc lòng, cái tâm nhất định sẽ đạt đến mức độ thanh tịnh khá khá. Đọc nhiều, đọc hằng ngày, tu tâm thanh tịnh hằng ngày. Đừng nói là [phải tu] nhiều thời gian, mỗi ngày có thể tu một tiếng đồng hồ là đã hết sức khó có. Tu hằng ngày, tu dăm ba năm, tâm tình đều định. Tới khi ấy, sự đọc tụng của chúng ta bèn tiến nhập giai đoạn thứ hai. Khi đọc trong giai đoạn thứ hai sẽ chẳng giống như đọc tụng trong giai đoạn trước. Đọc trong giai đoạn trước nhằm tu Giới, Định, Huệ, tu Căn Bản Trí. Sau khi đã có Căn Bản Trí, ta vẫn đọc tụng, đọc tụng nhằm tu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là gì? Không gì chẳng biết. Cách tu như thế nào? Cổ đại đức dạy chúng ta, “*tùy văn nhập quán*”, [nghĩa là] khiến cho thân tâm của chính chúng ta hoàn toàn kết hợp với cảnh giới trong kinh văn, hoàn toàn hòa quyện thành cảnh giới trong kinh. Như thế là đã cao, biến thành gì? Kinh là chính mình, chính mình biến thành kinh Vô Lượng Thọ. Chư vị ngẫm xem, lẽ nào người ấy chẳng vãng sanh? Ví như chúng tôi nêu thí dụ: Đối với bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện biến thành bốn nguyện của chính mình, chẳng phải là bốn nguyện của A Di Đà Phật nữa! Nay chúng ta niệm là niệm bốn nguyện của A Di Đà Phật, chẳng phải là bốn nguyện của chúng ta! Sau khi niệm đã lâu, [nguyện ấy] cũng từ trong tự tâm phát xuất, hoàn toàn có cùng nguyện, cùng giải, cùng hạnh như đức Phật đã phát, khiến cho tâm nguyện giải hạnh của ta và A Di Đà Phật hoàn toàn tương đồng. Nói cách khác, khi ấy, chính mình thật sự là hóa thân của A Di Đà Phật, chẳng hai, chẳng khác A Di Đà Phật. Đó là phương pháp đọc tụng thứ hai; nhưng chư vị phải hiểu: [Đọc tụng] có thứ tự. Nhất định là cầu Căn Bản Trí trước đã; sau đấy, mới có thể đạt được Hậu Đắc Trí. Chẳng có cơ sở Căn Bản Trí, tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng chân thành, bất bình đẳng, chẳng từ bi, sẽ chẳng có cách nào tiến nhập giai đoạn thứ hai! Vì thế, đọc tụng hết sức trọng yếu. Đọc tụng là tu hành.

5) “*Vị nhân diễn thuyết*” (Vị người khác diễn nói): Chúng ta hồi hướng, thường niệm “*thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (trên đền bốn ân trọng, dưới cứu khổ ba đường). Đối với chuyện này, cũng chớ nên hằng ngày nói suông. Nói suông quá nhiều mà chính mình cũng phải thẹn thùng! Như thế nào thì mới có thể thực hiện được? Phải vì người khác diễn nói. “*Diễn nói*” không nhất định là phải giảng một bộ

kinh. Giảng một bộ kinh từ đầu đến cuối cho người khác nghe phải tùy thuộc duyên phận. Như trong kinh Kim Cang nói “*vì người khác nói bốn câu kệ*”, công đức ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Nói cách khác, chúng ta mỗi ngày từ sáng đến tối, gặp gỡ những ai, bất luận là gặp người nào, đều có thể khuyên họ niệm Phật, đều nói với họ mấy câu Phật pháp, những câu Phật pháp ấy tuyệt đối chẳng lìa khỏi kinh Vô Lượng Thọ hoặc kinh Di Đà thì là đúng, hoàn toàn tương ứng. Vì sao chỉ nói bộ kinh này, chẳng nói những kinh khác? Chư vị phải biết: Nếu chẳng nói kinh này, mà nói những kinh điển khác, quý vị có lỗi với chúng sanh. Nay chúng ta đã hiểu rõ: “Chỉ có bộ kinh này thì mới có thể đắc độ trong một đời này. [Tu học] những kinh khác, chẳng thể đắc độ ngay trong một đời!” Chỉ riêng bộ kinh này là có thể khiến cho hết thảy chúng sanh đắc độ ngay trong một đời. Chỗ thù thắng của kinh này là “*đời nghiệp vãng sanh*”, cho nên kinh này hữu ích nhất đối với chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Chúng ta không giới thiệu kinh điển này, mà giới thiệu những kinh điển khác, há có thể nào chẳng có lỗi với người ta ư? Trừ phi bản thân chúng ta chẳng biết thì chẳng thể trách móc được; chứ chính mình đã biết thứ tốt đẹp nhất, mà chẳng giới thiệu với người khác, giới thiệu với họ thứ kém hơn, [tức là] hy vọng ta thành tựu, các người chẳng cần thành tựu! Đó là keo tiếc pháp, ôm tâm lòng không tốt. Vì thế, nhất định phải vì người khác diễn nói pháp môn bậc nhất.

Kinh dạy năm loại cương lĩnh tu hành cụ thể: “*Thư tả, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vị nhân diễn thuyết*” (Biên chép, cúng dường, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói). Các đồng tu Tịnh Độ chúng ta phải coi năm chuyện ấy là công việc trọng yếu nhất trong cả một đời, những công việc khác đều là kèm thêm! Thậm chí, sự nghiệp làm ăn kiếm sống cũng là chuyện kèm theo, năm thứ ấy mới là chuyện chánh yếu của chúng ta. Đó là đúng. “*Lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, hiện kỳ nhân tiền, kinh tu du gian, tức sanh bỉ quốc*” (Khi lâm chung, Phật và thánh chúng hiện trước người ấy, trong khoảnh khắc, liền sanh về cõi ấy), mấy câu này chính là lời bảo đảm của đức Phật. Đó là giấy bảo đảm. Chỉ cần quý vị thực hiện năm chuyện trước đó, quý vị chẳng cần phải hoài nghi, cũng chẳng cần phải hỏi han, khi lâm chung, Phật nhất định đến tiếp dẫn. “*Tu du*” (須臾: khoảnh khắc) là hết sức nhanh chóng. Tuy thế giới Tây Phương cách chúng ta mười vạn ức cõi nước, chỉ trong một cái khảy ngón tay là đã đến nơi. Đại Kinh dạy như vậy đó!



**(Sao) Pháp Diệt Kinh vân: “Nhĩ thời, Thủ Lăng Nghiêm kinh tiên diệt, dĩ thứ chư kinh, tất giai diệt tận, độc lưu Vô Lượng Thọ kinh, độ chư chúng sanh”.**

(鈔)法滅經云：爾時首楞嚴經先滅，以次諸經，悉皆滅盡，獨留無量壽經，度諸眾生。

**(Sao: Kinh Pháp Diệt Tận nói: “Khi ấy, kinh Thủ Lăng Nghiêm diệt trước hết, sau đó đến các kinh khác thấy đều diệt hết, riêng lưu lại kinh Vô Lượng Thọ để độ các chúng sanh”).**

Đây là một đoạn kinh văn trong kinh Pháp Diệt Tận, có ý nghĩa gần giống như kinh Đại Bản.

**(Sao) Hoa Nghiêm Luận vân: “Chánh pháp diệt thời, dĩ tổng trì trì dư tôn pháp, vì giáo lý lưu chuyển chi nhân”.**

**(Diễn) Dĩ tổng trì trì dư tôn pháp, vì giáo lý lưu chuyển chi nhân giả, thử đồng Dịch quái chi Càn nguyên nghĩa dã. Cái thế gian xuất thế gian, sơ vô nhị lý. Thế gian pháp, tắc thử tự Càn nguyên tư thí, Trinh đức thâm tàng, vì tương lai phát dục chi cơ. Xuất thế gian pháp, tắc thử tự Hoa Nghiêm sơ đàm, chung chí Di Đà hậu diệt, vì hậu kiếp lưu truyền chi bản. Phi Càn trinh, tắc thế gian chi sanh cơ tận diệt. Phi Di Đà, tắc xuất thế chi huệ mạng giai tàn. Tắc thử kinh, thử lý, vì chư Phật tương truyền huệ mạng, vì chúng sanh xuất thế chi bản nguyên, kỳ quan hệ khởi tiêu nhân duyên da?**

(鈔)華嚴論云：正法滅時，以總持持餘尊法，為教理流轉之因。

(演)以總持持餘尊法。為教理流轉之因者。此同易卦之乾元義也。蓋世間出世間。初無二理。世間法。則始自乾元資始。貞德收藏。為將來發育之機。出世間法。則始自華嚴初談。終至彌陀後滅。為後劫流傳之本。非乾貞則世間之生機盡滅。非彌陀則出世之慧命皆殘。則此經此

理。為諸佛相傳慧命。為眾生出世之本源。其關係豈小因緣耶。

(Sao: Hoa Nghiêm Luận nói: “Khi chánh pháp diệt, do nhờ sức tổng trì [của kinh này] mà duy trì các pháp tôn quý khác, tạo thành cái nhân khiến cho giáo lý lưu chuyển”.

**Diễn:** “Do nhờ sức tổng trì [của kinh này] mà duy trì các pháp tôn quý khác, tạo thành cái nhân khiến cho giáo lý lưu chuyển”: Điều này giống như ý nghĩa Nguyên của quẻ Càn trong kinh Dịch<sup>3</sup>. Ấy là vì pháp thế gian và xuất thế gian, thoạt đầu chẳng phải là hai lý. Pháp thế gian thì khởi đầu từ [đức tánh] Nguyên của Càn giúp sức phát khởi, đức Trinh [có tánh chất] thâm tàng, tạo thành động lực sanh trưởng trong tương lai. Pháp xuất thế gian thì bắt nguồn từ kinh Hoa Nghiêm được nói đầu tiên, đến cuối là kinh Di Đà diệt sau cùng, đó là cái gốc để lưu truyền cho đời sau. Chẳng do đức Trinh của quẻ Càn thì động lực sanh thành trong thế gian bị tận diệt. Chẳng do Phật Di Đà thì huệ mạng xuất thế đều mất. Vì thế, kinh này, lý này chính là huệ mạng được chư Phật truyền thừa, là cội nguồn để chúng sanh xuất thế. Mọi quan hệ ấy há có phải là nhân duyên nhỏ nhặt ư?)

Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật trong thế gian này, bộ kinh được Ngài giảng đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm là lúc đức Phật mới thành đạo, ngồi dưới cội Bồ Đề, nói trong Định. Tiểu Thừa chẳng thừa nhận Đại Thừa Phật pháp, đức Phật giảng trong Định, ai biết? Kẻ bình phàm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tĩnh tọa dưới cội cây, ngồi đó một mình, chẳng biết Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm trong Định, còn có vô lượng vô số Bồ Tát vây quanh nghe pháp, phàm phu cũng chẳng thấy một vị nào! [Do đó], người Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, bảo: “Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói”. Hàng Tiểu Thừa hoàn toàn nói theo sự tướng.

---

<sup>3</sup> Để giải thích quẻ Thuần Càn (純乾), phần Quái Từ của kinh Dịch đã dùng bốn chữ “nguyên, hanh, lợi, trinh” để hình dung. Theo Khổng Dĩnh Đạt, Nguyên (元) nghĩa là khởi đầu, Hanh (亨) là thông suốt, Lợi (利) là hòa hợp, Trinh (貞) là ngay thẳng, bền vững. Nói rộng hơn, phẩm đức của Càn là có tánh chất Thuần Dương, tự nhiên có thể dùng dương khí sanh khởi vạn vật, nó thông suốt, khiến cho vạn vật hài hòa (được diễn tả bằng chữ Lợi), lại có thể khiến cho vạn vật sanh trưởng đúng lẽ (Hanh), tồn tại bền vững (Trinh).

Kinh Hoa Nghiêm là đức Phật đã đem cảnh giới do Ngài đích thân chứng đắc nói ra, thật sự là đại cương của toàn thể Phật pháp. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “*Phật học khái luận*”. Hết thầy các kinh được nói trong bốn mươi chín năm sau đó đều chẳng thể vượt ra ngoài phạm vi của Hoa Nghiêm. Trong Đại Thừa Phật pháp, Hoa Nghiêm được tôn xưng là “*căn bản pháp luân*”, [nghĩa là] hết thầy các kinh đều là quyền thuộc của Hoa Nghiêm. Giống như một cái cây to: Hoa Nghiêm là cội rễ, thân chánh, hết thầy các kinh khác là cành, lá, hoa, quả, đều từ căn bản ấy sanh ra. Nhưng Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát dùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” thì Hoa Nghiêm mới viên mãn. Vì thế, kết thúc chung cục của Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm được viên mãn nơi thế giới Tây Phương. Chúng ta dùng hình ảnh thu nhỏ này để nhìn toàn thể Phật pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, [sẽ thấy pháp vận] một vận hai ngàn năm xác thực là khởi đầu từ Hoa Nghiêm cho đến cuối cùng khi pháp diệt hết. Trong một trăm năm cuối cùng là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ chính là hình ảnh thu gọn của Hoa Nghiêm. Do kinh Hoa Nghiêm tổng trì hết thầy Phật pháp, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ cũng tổng trì hết thầy Phật pháp.

Vào đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm. Bát Thập Hoa Nghiêm chính là Đại Bản. Kinh A Di Đà là Tiểu Bản Hoa Nghiêm*”. Hai bộ kinh này quán triệt tổng trì từ đầu đến cuối hết thầy các pháp môn. Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, hoàn toàn do kinh Vô Lượng Thọ tổng trì. Ý nghĩa trong ấy hết sức sâu rộng, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu, tham cứu; sau đây, quý vị mới có thể tin tưởng, mới có thể khẳng định, sẽ đạt được công đức và lợi ích to lớn, mới có thể đạt được lợi ích chân thật.

***(Sao) Kim vị chư kinh tất diệt, thử kinh độc tồn, niệm Phật nhất môn, quảng độ quần phẩm, tắc chư kinh dĩ diệt nhi bất diệt, tức thị dĩ nhất tồn dư, lưu chuyển vô tận, chánh Tổng Trì chi vị dã.***

(鈔) 今謂諸經悉滅，此經獨存，念佛一門，廣度群品，則諸經已滅而不滅，即是以一存餘，流轉無盡，正總持之謂也。

***(Sao: Nay nói các kinh đều diệt, riêng kinh này hãy còn. Pháp môn Niệm Phật rộng độ các phẩm, cho nên các kinh đã diệt mà chẳng***

*diệt, tức là do còn sót lại một kinh lưu chuyển vô tận, nên gọi đó là Tổng Trì vậy).*

Ở đây, ý nghĩa “*Tổng Trì*” đã được hiển thị hết sức rõ ràng cho chúng ta thấy. Kinh Hoa Nghiêm thường nói: “*Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”, rốt cuộc “*một*” là nói đến điều gì? “*Một*” chẳng phải là chuyên nhất (một điều gì đó hoặc một pháp nào đó chuyên biệt). Nếu chuyên nhất thì chẳng viên dung, chẳng phải là pháp giới “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” của Hoa Nghiêm. “*Một*” là bất cứ pháp nào, pháp nào cũng đều có thể tổng trì hết thấy các pháp. Đây mới là nghĩa thú chân chánh của Hoa Nghiêm. Ở đây, dường như là tổ sư chuyên chỉ kinh Vô Lượng Thọ, chẳng phải là bất cứ một pháp nào, chuyện này lại nên nói như thế nào đây? Chính là vì khế cơ. Nói theo Lý, tám vạn bốn ngàn pháp môn, do bất cứ pháp môn nào cũng đều có thể thành đạo quả vô thượng. Bởi lẽ, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, “*bất cứ một pháp nào*” chính là nói theo Lý. “*Chuyên nhất*” là nói theo Sự. Xét theo Sự, căn tánh của chúng sanh khác nhau, đặc biệt là đại đa số chúng sanh đều là hạng phàm phu sát đất, nghiệp chướng sâu nặng. Đối với họ, khá nhiều pháp môn rất khó khăn, khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ bản thân họ có nghiệp chướng.

Hằng ngày, chúng ta niệm bài kệ hồi hướng: “*Nguyện tiêu tam chướng chư phiền não*” (Nguyện tiêu các phiền não thuộc về Tam Chướng). Chỉ là nguyện, có thể tiêu được hay không? Chẳng tiêu được chút nào! Không chỉ là chẳng tiêu, mà Tam Chướng hằng ngày còn tăng trưởng! Tam Chướng là mê hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, [nói gọn lại sẽ là] Hoặc, Nghiệp, Khổ, sự thật ấy bày ra trước mặt chúng ta. Nay tuy gặp gỡ pháp môn vô thượng, pháp môn bậc nhất, tức là pháp môn Niệm Phật, nhưng vừa niệm A Di Đà Phật, vừa dấy vọng tưởng, quý vị mới biết khó khăn lắm thay! Khó hay dễ tuyệt đối chẳng phải là nói theo phía pháp môn, mà là nói theo căn tánh của chúng sanh. Vì chúng sanh nghiệp chướng tập khí hết sức sâu nặng, nhất định phải tìm một pháp môn vừa dễ dàng, vừa ổn thỏa, lại [thành tựu] rất nhanh chóng, thì mới có thể thích hợp với những kẻ nghiệp chướng tập khí sâu nặng trong hiện thời. Nếu chẳng phải là một pháp môn như vậy, hết thấy bọn chúng sanh chúng ta mong đắc độ trong một đời, khó lắm! Trong điều kiện ấy, đức Thế Tôn và chư Phật, Bồ Tát, lịch đại tổ sư đều chỉ điểm pháp môn này là thích hợp. Do đó, đức Phật chẳng lưu lại kinh điển nào khác, chỉ lưu lại kinh Vô Lượng Thọ. Xét theo thần lực của đức Phật, pháp của ta đã

diệt hết, ta riêng lưu lại kinh Lăng Nghiêm một trăm năm có được hay không? Đương nhiên là có thể, đức Phật xác thực là có năng lực ấy, nhưng đối với chúng sanh, kinh ấy quá khó khăn, chẳng thích hợp. Chúng ta phải hiểu đạo lý này: Đức Phật riêng lưu lại kinh Vô Lượng Thọ, chẳng lưu lại những kinh khác là do “*ứng cơ thuyết pháp*”.

***(Sao) Nhất thiết chúng sanh, ưng đương tôn trọng, cung kính, tín thọ, phụng hành, kinh sở tại xứ, như Phật kiến tại.***

(鈔)一切眾生，應當尊重恭敬，信受奉行，經所在處，如佛見在。

***(Sao: Hết thấy chúng sanh, hãy nên tôn trọng, cung kính, tín nhận, phụng hành. Kinh ở chỗ nào, [chỗ đó] như có Phật hiện diện).***

Thời cổ, chữ Kiến (見) và Hiện (現) dùng lẫn cho nhau, [đều có nghĩa là] “*hiện tại*”. Nếu kinh điển được lưu thông nhiều, thì nói cách khác, Vô Lượng Thọ Phật sẽ nhiều, mọi người sẽ có nhiều cơ hội gặp gỡ. Ai nấy đều có thể đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, ai nấy đều có thể tuân theo giáo huấn trong kinh để tu hành, có thể chuyển biến kiếp nạn, xã hội có thể an định. Nay chúng ta biết xã hội loạn lạc, không chỉ là Đài Loan loạn lạc, mà toàn thể thế giới đều loạn. Để có thể tiêu trừ hiện tượng này, giảm thấp kiếp vận, chỉ có cách đề xướng pháp môn này. Đầu đời Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh đã viết trong bộ Quán Kinh Trục Chi: “*Kiếp nạn trong thế gian, tất cả các kinh pháp đều chẳng thể tiêu trừ, cuối cùng còn có một câu chân ngôn sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật này là có thể tiêu trừ hết thấy các kiếp nạn*”. Ngài nói kiểu này khiến cho chúng tôi nghĩ đến trong Phật môn có kiểu nói: “*Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật*”. Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Kinh chẳng tiêu nghiệp chướng được, chú cũng chẳng thể tiêu nghiệp chướng, Phật hiệu có thể tiêu! Vì thế, nhất định phải khuyên kẻ khác niệm Phật, nhất định phải nỗ lực làm cho hết thấy chúng sanh đều có cơ duyên tiếp xúc pháp môn Tịnh Tông, đều biết ưu điểm của pháp Niệm Phật, đều biết niệm Phật thì mới hồng tiêu tai miễn nạn.

Người hiện thời công việc bận rộn, thời đại càng về sau, do khoa học kỹ thuật phát triển lại càng bận bịu, há có thời gian niệm Phật? Chẳng niệm lại không được! Phải làm như thế nào để có thể đạt tới tiêu

chuẩn “*tịnh niệm tiếp nối*”? Vì thế, hết sức khó khăn! Gần đây, tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm, niệm chín lần mỗi ngày, hết sức thích hợp với thời đại này. Một ngày chín lượt công khóa, chẳng thể thiếu một khóa nào, mỗi lượt công khóa chỉ cần một phút, cho nên có thể làm được! Khi đi làm, nếu ngồi nơi bàn làm việc, còn chưa bắt đầu làm việc, trước hết, thân tâm hãy buông xuống hết thảy, chấp tay niệm mười câu A Di Đà Phật, một lần công khóa đã viên mãn. Niệm xong mười câu A Di Đà Phật rồi mới bắt đầu lo liệu công việc trong một ngày. Khi tan tầm, làm xong việc, dọn dẹp xong, lại chấp tay niệm mười câu A Di Đà Phật. Tôi dạy người ta sáng sớm thức dậy bèn niệm một lượt, khi ăn điểm tâm bèn niệm một lượt, buổi sáng vào làm việc và lúc nghỉ trưa bèn niệm một lượt. Khi ăn cơm buổi trưa niệm một lượt, buổi chiều vào làm tiếp và lúc tan tầm, mỗi lúc niệm một lượt, ăn cơm tối lại niệm một lượt nữa, buổi tối đi ngủ niệm một lượt nữa. Mỗi ngày chín lượt, mỗi lượt một phút, phương pháp này thực dụng, thích hợp cho người hiện thời tu hành. Lại còn hết sức có hiệu quả, vì trong một phút ấy, xác thực là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Nếu thời gian niệm [trong mỗi lần công khóa khá] dài, chẳng tránh khỏi dấy vọng tưởng, tâm chẳng thanh tịnh. Do mười niệm ấy, nhiếp tâm dễ dàng, thời gian ngắn ngủi, “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”. Mười câu Phật hiệu nói tiếp nhau, xác thực là chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng, đúng là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Sau hai ba giờ, lại niệm một lượt nữa. Mỗi ngày thật sự niệm chín lượt chẳng thiếu, ba tháng sẽ khác hẳn, quý vị sẽ cảm nhận được. Đây là một phương pháp đề ra cho người hiện thời. Nhất định phải tôn trọng, phải cung kính kinh giáo, phải tin nhận, phụng hành. Biết kinh điển ở chỗ nào, chỗ ấy chính là nơi Phật ngự. Giống như tôi vừa mới nói với mọi người hai phương pháp đọc tụng, một là đề tu Căn Bản Trí, hoàn thành Tam Học Giới, Định, Huệ một lượt. Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì quý vị. Cách kia đề tu Hậu Đắc Trí, tâm và cảnh giao hòa, sự cảm ứng của chư Phật bèn hết sức rõ rệt.

**(Sao) Vấn: *Độc lưu thử kinh, thử kinh cái chi Đại Bản.***

(鈔)問：獨留此經，此經蓋指大本。

**(Sao: Hỏi: *Riêng lưu lại kinh này, “kinh này” là nói tới Đại Bản.*)**

“*Riêng lưu lại kinh này*”, “*kinh này*” là kinh Vô Lượng Thọ, ăn nhằm gì tới kinh A Di Đà?

**(Sao) Đáp: Tiên bất vân hô, văn hữu phôn giản, nghĩa vô thắng liệt, tường ngôn chi tắc Đại Bản, lược ngôn chi tắc kim kinh nhĩ, phi hữu nhị dã.**

(鈔)答：前不云乎，文有繁簡，義無勝劣，詳言之則大本，略言之則今經耳，非有二也。

**(Sao: Đáp: Chẳng phải là trong những phần trước đã nói rồi đó sao? Kinh văn có rườm rà hay đơn giản, nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém. Nói tường tận thì là Đại Bản, nói đại lược thì là kinh này, [ý nghĩa trong hai kinh] chẳng hề sai khác).**

Kinh Vô Lượng Thọ và bộ kinh này là cùng một bộ.

**(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh vô não, thị hoan hỷ tín thọ nghĩa. Tự tánh vô trụ, thị tác lễ nhị khứ nghĩa.**

**(Diễn) Tự tánh vô não, thị hoan hỷ tín thọ giả, nhược vân văn pháp nhi hỷ, lãnh pháp nhi thọ, thị vi ngoại tùy cảnh giới sở thiên, phi chân hoan hỷ tín thọ dã. Tự tánh cụ hữu quá Hằng sa đẳng phiến não chi nghĩa, thị chân hoan hỷ tín thọ dã. Tự tánh vô trụ, thị tác lễ nhị khứ nghĩa giả, nhược vân kiêu cần nhi lễ, thoái tịch nhi khứ, thị vi vọng duyên phong lực nhi chuyển, phi chân tác lễ nhị khứ dã. Tự tánh vô trụ, liễu vô căn bản, thị chân tác lễ nhị khứ dã.**

(疏)稱理，則自性無惱，是歡喜信受義；自性無住，是作禮而去義。

(演)自性無惱。是歡喜信受者。若云聞法而喜。領法而受。是為外隨境界所遷。非真歡喜信受也。自性具有過恒沙等煩惱之義。是真歡喜信受也。自性無住。是作禮而去義者。若云翹勤而禮。退席而去。是為妄緣風力而轉。非真作禮而去也。自性無住了無根本。是真作禮而去也。

**(Sớ: Xưng Lý thì tự tánh chẳng có phiến não là ý nghĩa “hoan hỷ tin nhận”. Tự tánh chẳng trụ là ý nghĩa “làm lễ rồi đi”.**

**Diễn: “Tự tánh chẳng có phiến não là ý nghĩa hoan hỷ, tin nhận”: Nếu bảo nghe pháp vui mừng [là Hỷ], lãnh nhận là Thọ, tức là bị cảnh**

giới bên ngoài xoay chuyển, chẳng phải là hoan hỷ tín thọ thật sự. Tự tánh có ý nghĩa trọn đủ các phiền não nhiều hơn số cát trong sông Hằng, đó là hồi hướng tín thọ thật sự. “Tự tánh chẳng trụ là ý nghĩa làm lễ, rời đi”: Nếu bảo kính cẩn, trân trọng là Lễ, rời khỏi chỗ ngồi là Khứ, đó là bị xoay chuyển bởi sức gió vọng duyên, chẳng phải là “làm lễ, rời đi” thật sự. Tự tánh vô trụ, trọn chẳng có căn bản chính là “làm lễ, rời đi” thật sự).

Cuối mỗi đoạn kinh văn, đại sư đều có một đoạn bàn luận xúng tánh, thể lệ này rất ít thấy trong các bản chú giải của cổ đức. Cuối bản chú giải, Ngài kèm thêm chú Vãng Sanh. Đó là Hiền Mật viên dung. Có [phần luận định] xúng tánh, tức là “*Tông Giáo viên dung, Tánh Tướng viên dung*”.

**(Sao) *Phiền não bốn tịch, hoan hỷ diệt không, tắc khổ độ thù phi lạc độ.***

(鈔)煩惱本寂，歡喜亦空，則苦土誰非樂土。

(Sao: *Phiền não vốn vắng lặng, hoan hỷ cũng rỗng không, có cõi khổ nào chẳng phải là cõi lạc*).

Chân Như bản tánh, chẳng lập một pháp. Lục Tổ Huệ Năng đại sư nói rất hay: “*Vốn chẳng có một vật*”. Phiền não là một vật, hoan hỷ cũng là một vật, vốn chẳng có! Há có uế độ, há có lạc độ ư? Đây là nhìn từ chân tâm bản tánh.

**(Sao) *Lai thật vô lai, khứ diệt hà khứ, tắc vãng sanh tất cánh vô sanh.***

(鈔)來實無來，去亦何去，則往生畢竟無生。

(Sao: *Đi thì thật sự chẳng đi, đến thì cũng chẳng đến nơi đâu, nên vãng sanh mà rốt cuộc vô sanh*).

Cổ nhân có [Tịnh Độ] Sanh Vô Sanh Luận, trong ấy có nói “*Sanh thì quyết định sanh, mà đi thì thật sự chẳng đi*”. Kẻ học Phật nông cạn, nghe những lời ấy bèn nảy sanh khá nhiều nổi nghi hoặc, ta có còn nên tu học pháp môn này hay chẳng? Rốt cuộc trong tương lai có thể vãng sanh hay không? Nhất định phải hiểu rõ ràng. Trong ấy có Lý, có Sự; sau khi Lý và Sự đã viên dung, mới biết tâm tánh của chúng ta trọn khắp mười phương pháp giới. Uế độ của Phật Thích Ca là do tâm tánh của



chúng ta biến hiện, Di Đà Tịnh Độ vẫn do tâm tánh của chúng ta biến hiện. Lìa khỏi tâm tánh này, ở đâu có Thích Ca? Ở đâu có Di Đà? Thấy đều ở trong một tự tánh, há có đến, đi? Há có tịnh, uế? Điều chẳng có. Nói theo tánh thể, thì là thanh tịnh, là như nhau, vạn pháp đều như một, chẳng có một pháp nào không Như. Nói theo sự tướng, nói theo tác dụng, bèn có sai biệt.

Chúng ta quyết định phải vãng sanh, nhất định phải lìa uế độ, giữ lấy Tịnh Độ. Biết Thể, sẽ giúp cho quý vị khai ngộ, có thể giúp quý vị lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước. Tốt đẹp ở chỗ này, tốc độ thành tựu viên mãn Bồ Đề mau chóng! Nếu chấp trước “nhất định là có tịnh, uế”, chẳng biết tâm và cảnh như một, tự và tha bất nhị, hoàn toàn chấp trước nơi sự tướng, tu chúng sẽ rất khó khăn. Giống như năm mươi một tầng cấp Bồ Tát, hoặc Tứ Quả, Tứ Hướng của Tiểu Thừa là do chấp trước mà có, nếu lìa khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, bèn thuộc vào Đốn Giáo, đốn siêu, chẳng vướng mắc nơi các tầng cấp.

*(Sao) Dĩ thử vô sanh, sanh bỉ quốc độ, phi sanh bỉ độ, thật sanh hồ tự tâm dã. Nhiên hậu vô vấn tự thuyết, Thế Tôn miễn phó không đàm, độc nhiệm đương cơ, Thân Tử bất cô trọng thác, thị chân hoan hỷ, thị chân tín thọ, thị danh chân pháp tác lễ Như Lai.*

*(Diễn) Phiền não bốn tịch giả, thượng vân vô não thị hỷ nghĩa, thượng hữu hỷ tại. Hỷ phi lạc độ dã. Kim tắc phiền não bốn tịch, hoan hỷ diệt không, tắc khổ độ thù phi lạc độ. Thượng vân vô trụ thị khư nghĩa, thượng hữu khư tại, khư phi vãng sanh dã. Kim tắc lai thật vô lai, khư diệt hà khư, tắc vãng sanh tất cánh vô sanh. Dĩ hữu sanh, sanh bỉ độ giả, thị sanh bỉ độ, phi sanh tự tâm dã. Dĩ vô sanh, sanh bỉ độ giả, phi sanh bỉ độ, thật sanh tự tâm dã. Nhiên hậu vô vấn tự thuyết, Thế Tôn miễn phó không đàm. Thử thượng bất phụ hoàng pháp chi chủ. Độc nhiệm đương cơ, Thân Tử bất cô trọng thác. Thử hạ bất phụ thọ chúc chi nhân.*

(鈔)以此無生，生彼國土，非生彼土，實生乎自心也。然後無問自說，世尊免付空談，獨任當機，身子不孤重託，是真歡喜，是真信受，是名真法作禮如來。

(演)煩惱本寂者。上云無惱是喜義。尚有喜在。喜非樂土也。今則煩惱本寂。歡喜亦空。則苦土誰非樂土。上

云無住是去義。尚有去在。去非往生也。今則來實無來。去亦何去。則往生畢竟無生。以有生生彼土者。是生彼土。非生自心也。以無生生彼土者。非生彼土。實生自心也。然後無問自說。世尊免付空談。此上不負弘法之主。獨任當機身子不孤重託。此下不負受矚之人。

*(Sao: “Dùng vô sanh để sanh vào cõi nước ấy”: Chẳng sanh vào cõi ấy, mà thật ra là sanh trong tự tâm. Sau đấy, chẳng hỏi mà tự nói, đức Thế Tôn chẳng đến nỗi [gặp cảnh] giao phó, bàn luận suông. Một mình gánh lấy trách nhiệm làm bậc đương cơ, ngài Xá Lợi Phất chẳng cô phụ trọng trách được giao phó. Đó là chân hoan hỷ, chân tín thọ, chân pháp lễ kính Như Lai.*

*Diễn: “Phiền não vốn vắng lặng”: Trong phần trên có nói “vô não” là ý nghĩa của Hỷ, [tức là] vẫn còn có Hỷ, Hỷ thì chẳng phải là cõi vui sướng. Nay phiền não vốn vắng lặng, hoan hỷ cũng là không, nên có cõi khổ nào chẳng phải là cõi lạc? Trong phần trước có nói “vô trụ là Khứ”, [tức là] vẫn có Khứ tồn tại, Khứ thì chẳng phải là vắng sanh. Nay thì thật sự chẳng đến, đi cũng chẳng về đâu, cho nên vắng sanh rốt ráo là vô sanh. Dùng “có sanh” để sanh vào cõi ấy, tức là sanh trong cõi ấy, chẳng sanh trong tự tâm! Dùng vô sanh để sanh vào cõi ấy thì chẳng phải là sanh trong cõi ấy, mà thật sự là sanh trong tự tâm. Sau đấy, chẳng hỏi mà tự nói, đức Thế Tôn chẳng đến nỗi gặp cảnh giao phó, bàn luận suông. Đó là trên thì chẳng cô phụ đáng hồng pháp. Một mình gánh lấy trách nhiệm đương cơ, Thân Tử chẳng cô phụ trọng trách được giao phó. Đây là dưới thì chẳng cô phụ bậc nhận lãnh lời phó chúc).*

Sách Diễn Nghĩa có chú giải mấy câu này, tuy văn tự dùng để chú giải không nhiều, nhưng ý nghĩa rất rõ ràng. Kinh này kể từ lúc khai kinh cho tới nay, những lời lẽ bàn luận xúng tánh đã được nói rất nhiều. Đối với đạo lý “tự tánh duy tâm”, dấu chẳng hiểu rõ mười phần, cũng chẳng đến nỗi xa lạ. Đoạn này chính là đoạn khai thị cuối cùng [cho phần chánh kinh], “sanh hồ tự tâm” (sanh trong tự tâm) là “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”. Đây là nói theo Lý. “Nhiên hậu vô vấn tự thuyết” (Sau đấy, chẳng có ai hỏi mà tự nói), chính là lòng từ bi triệt để, là lòng đại từ bi viên mãn trong tâm tánh tự nhiên lưu lộ, còn cần phải có người đến thưa hỏi hay chẳng? Tự nhiên lưu lộ. Chúng ta cũng phải học

theo đức Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chẳng cần đợi người khác hỏi chúng ta, chúng ta sẽ chủ động giới thiệu A Di Đà Phật với họ. Người có trí huệ, có thiện căn, sẽ tự nhiên tiếp nhận.

“Đương cơ” là tôn giả Xá Lợi Phất. Chữ Xá Lợi Phất (Śāriputra) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Thân Tử (身子). Ngài đại diện cho mọi người chúng ta. Trong kinh, đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, chính là gọi bậc đương cơ. Đối với pháp môn này và kinh điển này, chúng ta có thể sanh tâm hoan hỷ, có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận, có thể y giáo phụng hành, bản thân chúng ta là bậc đương cơ của bản kinh này. Chúng ta tôn ngài Xá Lợi Phất làm đại biểu, cho nên đức Phật gọi Ngài nhằm dạy chúng ta. Đó là “chân hoan hỷ, chân tín thọ”, đây là “tác lễ Như Lai” chân chánh, là lễ kính đức Phật.

***(Sao) Nhược kỳ ngoại Cực Lạc cửu liên chi độ, biệt thuyết duy tâm, xả Di Đà vạn đức chi danh, lánh cầu tự tánh, khả vị đương độ nhi vấn tân, đối đăng nhi mịch hỏa giả hỹ.***

***(Diễn) Tuy nhiên, Lý phi Sự ngoại, Tánh tức Tướng biên. Nhược kỳ ngoại Cực Lạc cửu liên chi độ, biệt thuyết duy tâm, xả Di Đà vạn đức chi danh, biệt cầu tự tánh, thị đương độ vấn tân, đối đăng mịch hỏa hỹ. Cổ viết: “Bất thức bỉ quan tân, cách giang do vấn thiệp, tảo tri đăng thị hỏa, phạn thực dĩ đa thời”.***

(鈔)若其外極樂九蓮之土，別說唯心，捨彌陀萬德之名，另求自性，可謂當渡而問津，對燈而覓火者矣。

(演)雖然。理非事外。性即相邊。若其外極樂九蓮之土。別說唯心。捨彌陀萬德之名。別求自性。是當渡問津。對燈覓火矣。故曰不識彼關津。隔江猶問涉。早知燈是火。飯熟已多時。

***(Sao: Nếu ở ngoài cõi Cực Lạc chín phẩm sen mà riêng nói duy tâm, bỏ danh hiệu Di Đà vạn đức để cầu tự tánh nào khác, có thể nói là đã vượt lên bờ mà còn hỏi bến, đối trước đèn mà tìm lửa vậy.***

***Diễn: Tuy nhiên, Lý chẳng ở ngoài Sự, Tánh ở ngay bên Tướng. Nếu ở ngoài cõi Cực Lạc chín phẩm sen mà nói tới một cái duy tâm nào khác, bỏ danh hiệu Di Đà vạn đức để cầu tự tánh khác, chính là đã vượt sông mà còn hỏi bến đò, đối trước đèn mà đi tìm lửa! Vì thế nói: “Do***

*chẳng biết cửa ải, bến sông trọng yếu, cho nên đã qua khỏi sông mà vẫn hỏi chuyện lặn lội, đã sớm biết đèn chính là lửa, cơm đã chín từ lâu!”)*

Câu này nói đến những kẻ mê chấp, chẳng hiểu Phật pháp, tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới ở ngoài tâm tánh, chẳng bằng lòng tiếp nhận pháp môn này. Ngõ ngoài kinh Vô Lượng Thọ, ngoài A Di Đà Phật ra, còn có Chân Như tự tánh [khác biệt]. Thừa cùng chư vị, lời lẽ ấy dường như đúng, thật ra là sai, rất có thể sẽ khiến cho kẻ khác mê hoặc! Có sao nói là dường như đúng mà thật ra là sai? Ví như [ở trong] biển cả, chúng ta lấy một chén nước từ biển cả. Đây là nước biển, chẳng sai! Chúng ta lìa khỏi chỗ này, tìm một chỗ khác [trong biển] để lấy, vẫn có thể lấy được nước biển. Đó là đa sự! Điều là như nhau, chẳng biết “có chỗ nào không phải là biển” [cần gì phải bỏ nơi này, tìm nơi kia]! Quý vị bảo nơi đây chẳng phải [là biển], đến bên kia để tìm cầu thì bên kia chắc chắn cũng chẳng phải. Một thứ đã là [Chân Như tự tánh], thì hết thấy đều là [Chân Như tự tánh]. Một thứ đã chẳng phải thì hết thấy đều chẳng phải. Chẳng thể nói cái này là đúng, cái kia là sai, chẳng có [chuyện đó]. Hiểu đạo lý này, tâm chúng ta bèn định, tín tâm sẽ chẳng bị mê hoặc, nguyện vọng cầu được vãng sanh chẳng bị dao động bởi các thứ ngôn thuyết của kẻ khác.

Kế đó là hai tỷ dụ: “*Dương độ nhi vãn tân*”, [nghĩa là] vượt sông, đã đến bên rồi mà còn hỏi: “Chúng ta sẽ từ chỗ nào ngồi thuyền để vượt qua?” [Thắc mắc] quá thừa! “*Đôi đặng nhi mịch hỏa*”: Đèn thỏ xưa giống như đèn cây vậy. Đèn chính là lửa, đối trước đèn đi tìm lửa, có thể suy ra mà biết kẻ ấy ngốc nghếch dường nào! Dùng hai tỷ dụ ấy để chỉ rõ ý nghĩa được nói trong đại kinh, “*một tức là nhiều, nhiều tức là một, Tánh và Tướng như nhau, Lý Sự bất nhị*”. Chúng ta phải tìm một phương pháp tu hành khế cơ nhất, thích hợp nhất, thâm nhập một môn. Hễ đạt được một pháp ấy thì tất cả hết thấy các pháp đều đạt được.

Hôm nay, giảng đến chỗ này, [phần giảng giải về chánh] kinh đã viên mãn. Phần sau là chú. Chú vốn chẳng thuộc vào kinh, Liên Trì đại sư đặc biệt đem chú Vãng Sanh ghép vào sau kinh này, nhằm dạy chúng ta: Hiền Mật bất nhị, Hiền Mật viên dung. Một câu A Di Đà Phật, không chỉ là kinh A Di Đà, hoặc kinh Vô Lượng Thọ, mà còn là Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni Chú. Một câu A Di Đà Phật là chú, chẳng cần phải hỏi là kinh hay là chú, cứ nắm chắc sáu chữ hồng danh, quý vị sẽ thành tựu. Dụng ý của lão nhân gia ở ngay chỗ này. Hôm nay, tôi giảng tới đây.